TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS - ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn, ông Lương Thanh Văn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 14/6/2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 18/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-DS ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN (AG).

Địa chỉ trụ sở: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn K. Chức vụ: Giám đốc AG – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

Địa chỉ: Lô B6, KCN Đ, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đào Thị Phương H. Chức vụ: Phó Giám đốc AG – Chi nhánh Khu công nghiệp Đ.

(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phùng Văn N; Năm sinh: 1992. Địa chỉ: TDP M 2, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng Văn T, năm sinh: 1960. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, năm sinh: 1960. (vắng mặt)

Đều địa chỉ: TDP M 2, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng NN (AG) do Bà Đào Thị Phương Hồng đại diện vắng mặt tại phiên toà nhưng có văn bản trình bày:

Ngày 08/12/2020 AG Chi nhánh Khu Công nghiệp Đ Bắc Giang (Bên cho vay-Bên A) có ký Hợp đồng tín dụng số 2502LAV202002332 với ông Phùng Văn N (Bên vay-Bên B).

Hai bên đã cam kết thống nhất trên hợp đồng tín dụng về việc bên A cho bên B vay tiền theo nội dung thỏa thuận dưới đây:

Số tiền cho vay: 1.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn).

Thời hạn cho vay: 60 tháng.

Mục đích vay vốn: Xây dựng nhà ở.

Dư nợ đến ngày 09/5/2023 là: 1.120.000.000đ.

Ngày 21/12/2021 AG Chi nhánh Khu Công nghiệp Đ Bắc Giang (Bên cho vay-Bên A) có ký Hợp đồng tín dụng số 2502LAV202101724 với ông Phùng Văn N (Bên vay-Bên B).

Hai bên đã cam kết thống nhất trên hợp đồng tín dụng về việc bên A cho bên B vay tiền theo nội dung thỏa thuận dưới đây:

Số tiền cho vay: 280.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng chẵn.).

Thời hạn cho vay: 60 tháng.

Mục đích vay vốn: Mua sắm đồ dùng sinh hoạt

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 106,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 318 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB 796922, số vào sổ cấp GCN: CS 00009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.47/HĐTC ngày 03/12/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 79,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 237 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB796921, số vào sổ cấp GCN: CS 00008, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày

20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.48/HĐTC ngày 03/12/2020.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên AG đã giải ngân 1.680.000.000đ cho ông Phùng Văn N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 23/8/2023, anh Phùng Văn N đã thanh toán cho AG tổng cộng: 280.000.000 đồng gốc vay.

Do anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với AG nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn ngày 09/12/2022 với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 23/8/2023, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên là: 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng).

Nay AG yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh N phải thanh toán trả cho AG số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ tính đến ngày 23/8/2023 là 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng).

Anh N phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh N thực tế thanh toán hết nợ cho AG.

Trường hợp anh N không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho AG, AG có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 106,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 318 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB 796922, số vào sổ cấp GCN: CS 00009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.47/HĐTC ngày 03/12/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 79,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 237 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB796921, số vào sổ cấp GCN: CS 00008, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.48/HĐTC ngày 03/12/2020.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, anh N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho AG phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

Bị đơn là ông Phùng Văn N và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn Thuỷ và bà Nguyễn Thị Lụ *được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đây là lần thứ 2 các ông bà vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan theo thủ tục chung*.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn thực hiện chưa đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt khi tòa án triệu tập cũng như vắng mặt khi xét xử. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của AG.

2. Buộc anh Phùng Văn N phải trả cho AG tính đến ngày 23/8/2023 là 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng).

Anh N phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh N thực tế thanh toán hết nợ cho AG.

Trường hợp anh N không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho AG, AG có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 106,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 318 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB 796922, số vào sổ cấp GCN: CS 00009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016, tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.47/HĐTC ngày 03/12/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 79,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 237 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB796921, số vào sổ cấp GCN: CS 00008, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016, tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.48/HĐTC ngày 03/12/2020.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, anh N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho AG phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

4. Về chi phí thẩm định: AG đề nghị thẩm định chi phí hết tổng cộng 6.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh N phải chịu do yêu cầu khởi kiện của AG được chấp nhận.

5. Về án phí: anh Phùng Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả AG số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phùng Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Đại diện thoe ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp và pháp luật áp dụng: Quan hệ tranh chấp giữa AG và anh Phùng Văn N là tranh chấp dân sự giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc anh Phùng Văn N trả số tiền gốc, lãi là: 1.659.712.449 đồng.

AG yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh N phải thanh toán trả cho AG số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ tính đến ngày 23/8/2023 là 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng).

Anh N nhất trí trả AG số tiền gốc, lãi còn nợ. Đề nghị AG cho vợ chồng anh N được trả dần số tiền số nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu của AG yêu cầu anh Phùng Văn N trả cho AG tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2023 là 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng) là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa AG với anh N và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của AG, buộc anh N phải trả cho AG toàn bộ số tiền 1.659.712.449 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Xét yêu cầu của AG với tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 106,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 318 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB 796922, số vào sổ cấp GCN: CS 00009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.47/HĐTC ngày 03/12/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 79,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 237 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB796921, số vào sổ cấp GCN: CS 00008, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.48/HĐTC ngày 03/12/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN1707130113896 ngày 19/07/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 22/01/2019 được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, anh N có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho AG phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

[3]. Về chi phí thẩm định: AG đề nghị thẩm định chi phí hết tổng cộng 6.000.000 đồng, cần buộc anh N phải chịu số tiền này do yêu cầu khởi kiện của AG được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của AG được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về dân sự theo quy định. Hoàn trả AG tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 288, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 317, Điều 318; Điều 319 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng NN đối với bị đơn anh Phùng Văn N.

2. Buộc anh Phùng Văn N phải trả cho Ngân hàng NN tính đến ngày 23/8/2023 là 1.659.712.449 đồng (Một tỷ sáu trăm năm chín triệu bẩy trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn chín đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 209.881.946 đồng; Lãi quá hạn: 41.024.137 đồng; Lãi chậm trả: 8.806.366 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp anh Phùng Văn N không thanh toán cho Ngân hàng NN toàn bộ số tiền nợ thì Ngân hàng NN có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản đảm bảo là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 106,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 318 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB 796922, số vào sổ cấp GCN: CS 00009, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.47/HĐTC ngày 03/12/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 79,3 m^2 và nhà ở 03 tầng, diện tích khoảng: 237 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CB796921, số vào sổ cấp GCN: CS 00008, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016 tên người sử dụng ông Phùng Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2020302.48/HĐTC ngày 03/12/2020.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản không đủ trả nợ, anh Phùng Văn N có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng NN phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

3. Về chi phí thẩm định: Buộc anh Phùng Văn N phải chịu số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ngân hàng NN được nhận lại số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) khi anh Phùng Văn N nộp.

4. Về án phí:

- Buộc anh Phùng Văn N phải chịu 59.549.200đ (Năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng NN số tiền 30.063.000đ (Ba mươi triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0007015 ngày 14/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**